

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08 /2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-01-2018

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh
2. Ông Nguyễn Đình Ba

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 393/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20/11/2017, về việc tranh chấp: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/1/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Ánh N, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Số 74 đường số 6, Thôn Y, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Cao Văn H, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Số 74 đường số 6, Thôn Y, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 14/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Ánh N trình bày: Bà và ông Cao Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn, hai bên chung sống ổn định tại Thôn Y, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên khoảng 6 năm trở lại đây, sau khi bà N đi phẫu thuật đĩa đệm, thì ông H bắt đầu thay đổi. Ông H lâm vào cờ bạc, rượu chè, rồi chửi bới, xúc phạm bà N; tiền bạc thu được từ nương rẫy ông Hiể giữ

sử dụng riêng; khi bà N đau ốm ông H cũng không quan tâm. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Vợ chồng có một con chung Cao Văn Thảo, sinh năm 1997.

Vợ chồng có tài sản chung gồm: Nhà và đất thổ cư, đất rẫy trồng cao su. Trong quá trình Tòa án hòa giải hai bên tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, bà N đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung khi ly hôn.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Cao Văn H trình bày: Ông và bà N chung sống với nhau vào năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn. Khoảng 7 năm trở lại đây ông H không biết nguyên nhân gì mà mỗi khi vợ chồng nói chuyện với nhau là bà N đòi ly hôn. Ông H cho rằng không làm gì có lỗi với bà N, nhưng cho đến hôm nay ông đã chịu đựng quá nhiều, nên ông nói với vợ cứ làm đơn ly hôn, thì ông H sẽ đến Tòa án giải quyết. Ông H không có yêu cầu phản tố gì và thống nhất việc bà N rút phần tranh chấp về tài sản chung.

Vợ chồng có một con chung như bà N khai. Tài sản chung do vợ chồng tạo lập: 01 nhà xây, đất vườn, đất trồng cao su.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn, qua đó hai bên đương sự tự thỏa giải quyết với nhau và nguyên đơn đã làm đơn xin rút phần tranh chấp tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục*: Việc khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn đã tự nguyện làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung khi ly hôn. Do đó đình chỉ giải quyết về việc tranh chấp tài sản chung, là phù hợp điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự..

[2] *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1968 và ông Cao Văn H, sinh năm 1968 đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà N

có yêu cầu ly hôn với ông H. Do đó tuyên bố Trần Thị Ánh N và Cao Văn H không phải là vợ chồng là phù hợp Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí về tranh chấp chia tài sản chung cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Điều, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. *Về tài sản*: Đình chỉ phân tranh chấp tài sản chung giữa bà Trần Thị Ánh N và ông Cao Văn H.

2. *Về hôn nhân*: Tuyên bố Trần Thị Ánh N và Cao Văn H không phải là vợ chồng.

3. *Về án phí*: Trần Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 6.550.000 đồng tạm ứng án phí do bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0018022 ngày 20/11/2017; trả lại cho bà Trần Thị Ánh N 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (26/01/2018, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./-

Nơi nhận

TAND tỉnh

VKSND huyện

THADS huyện

Các đương sự

Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái

